TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 686/2023/HNGĐ -ST
Ngày:17-7-2023
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

/- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ron

Ông Nguyễn Tấn Bình

- ***Thư ký phiên tòa**:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Toà án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- ***Đại diện VKSND TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa***:

Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên

***

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm:1976 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Xóm 5, thôn X, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.
Bị đơn: Chị Lê Thị Kim P, sinh năm: 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 11, khu vực 2, phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2023 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày: Anh và chị P kết hôn ngày 04/02/2002 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định trên tinh thần tự nguyện,

không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nhưng đến cuối năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm và cách sống, chị P có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, chính anh là người trực tiếp bắt quả tang việc này, nhưng không muốn làm chị P khó xử nên anh không làm lớn chuyện và không lưu lại chứng cứ. Anh đã cố gắng rất nhiều để gia đình được toàn vẹn, đầy đủ nên anh vẫn tiếp tục chung sống nhưng chị P vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm là sau khi sinh cháu thứ hai vào năm 2011, mâu thuẫn không thể hòa giải, thật sự đã rất trầm trọng nên anh và chị P sống ly thân, anh về nhà mẹ đẻ của anh ở tại P, huyện T ở, còn chị P vẫn ở tại địa chỉ trên. Nay anh không còn tình cảm nên cương quyết ly hôn với chị P để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh và chị P có 02 người con tên Trần Quốc B, sinh ngày 24/11/2002 và Trần Gia B T, sinh ngày 22/8/2011, sức khỏe bình thường. Cháu B đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết. Riêng cháu T lâu nay vẫn ở với mẹ nên anh thống nhất giao cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Kim P: không nộp bản tự khai và vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung của nguyên đơn có căn cứ pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Anh Tvà chị P kết hôn ngày 04/02/2002 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị P có địa chỉ ở tổ 11, khu vực 2, phường N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 điều 28; điều 35 và điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ đối với bị đơn thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn. Theo anh Ttrình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến cuối năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm và cách sống, chị P có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Hiện nay anh và chị P mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, cả hai đã không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên xin được ly hôn với chị P. Lời khai của anh Tphù hợp với kết quả xác minh của Tòa án nên có thể xem là sự thật.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, tôn trọng và chăm sóc, giúp đỡ nhau, nhưng qua lời trình bày của anh Tthì giữa anh và chị P đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai bên không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Qúa trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa đã triệu tập nhiều lần nhưng chị P không đến Tòa làm việc, chứng tỏ chị P không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T xin được ly hôn chị P là phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có có 02 người con chung tên Trần Quốc B, sinh ngày 24/11/2002 và Trần Gia B T, sinh ngày 22/8/2011, sức khỏe bình thường. Cháu B đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa giải quyết. Riêng cháu T lâu nay vẫn ở với mẹ nên anh thống nhất giao cháu T cho chị

P trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét thấy: Mặc dù Tòa án không thể lấy lời khai cháu T xem nguyện vọng của cháu muốn ở với ai, tuy nhiên từ khi anh T và chị P ly thân đến nay cháu T sống với chị P, đã quen với nề nếp sinh hoạt và sự chăm sóc của chị P, mặt khác anh T cũng thống nhất giao cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng, sự tự nguyện nói trên là phù hợp với quy định tại các Điều 110; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Anh Tlà nguyên đơn và cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc T được ly hôn chị Lê Thị Kim P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Gia B T, sinh ngày 22/8/2011 cho chị Lê Thị Kim P trực tiếp nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2023 cho đến khi cháu T thành niên.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3.Về tài sản chung: Anh Tkhông yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003468 ngày 20/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo: Anh Tuấn, chị P vắng mặt tại phiên toà nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Minh Hòa